

THÔNG TƯ

**Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin
về tài sản cho thuê tài chính và việc quản lý nhà nước về đăng ký
tài sản cho thuê tài chính**

Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 4 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Điều 19 của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Nhằm công khai hoá các thông tin về tài sản cho thuê tài chính, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính và cá nhân, tổ chức có liên quan;

Bộ Tư pháp hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính và việc quản lý nhà nước về đăng ký tài sản cho thuê tài chính như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các vấn đề sau đây:

1.1. Thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và các Chi nhánh của Cục đặt tại địa phương (sau đây gọi tắt là Cục Đăng ký và Chi nhánh) trong việc đăng ký và cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính;

1.2. Trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính;

1.3. Quản lý nhà nước đối với việc đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính.

2. Cơ quan đăng ký và cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính

2.1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký và cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính là Cục Đăng ký và Chi nhánh.

2.2. Cục Đăng ký và Chi nhánh có thẩm quyền đăng ký và cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức trong phạm vi cả nước. Do đó, người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin có quyền lựa chọn yêu cầu Cục Đăng ký hoặc Chi nhánh thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính.

Việc đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính tại Cục Đăng ký và Chi nhánh có giá trị pháp lý như nhau.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Đăng ký và Chi nhánh trong lĩnh vực đăng ký và cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính

3.1 Cục Đăng ký và Chi nhánh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây trong việc đăng ký tài sản cho thuê tài chính:

- a) Đăng ký tài sản cho thuê tài chính;
- b) Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký;
- c) Đăng ký gia hạn;
- d) Xoá đăng ký;
- đ) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký và bản sao Giấy chứng nhận đó;
- e) Sửa chữa sai sót trong đơn yêu cầu đăng ký, trong Giấy chứng nhận đăng ký;
- g) Huỷ Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kê khai các nội dung trong đơn yêu cầu đăng ký không đúng sự thật, không đúng thoả thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính;
- h) Thu lệ phí đăng ký;
- i) Từ chối đăng ký trong trường hợp đơn yêu cầu đăng ký không kê khai đầy đủ tại các mục thuộc diện phải kê khai theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này hoặc người yêu cầu đăng ký không nộp lệ phí đăng ký;
- k) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bảo quản các thông tin đã được đăng ký.

3.2 Cục Đăng ký và Chi nhánh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây trong việc cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính:

- a) Cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính được đăng ký tại Cục Đăng ký và Chi nhánh;
- b) Thu phí cung cấp thông tin;
- c) Từ chối cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính trong trường hợp đơn yêu cầu cung cấp thông tin không kê khai đầy đủ tại các mục phải kê khai theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này hoặc người yêu cầu cung cấp thông tin không nộp phí cung cấp thông tin.

3.3 Cục Đăng ký và Chi nhánh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại mục IX của Thông tư này.

4. Trách nhiệm của Đăng ký viên

Đăng ký viên có trách nhiệm sau đây:

- 4.1 Thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Thông tư này;
- 4.2 Đăng ký chính xác các nội dung đã kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký;
- 4.3 Trong trường hợp Đăng ký viên đăng ký không chính xác các nội dung kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký, mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chức.

5. Đối tượng đăng ký

Các tài sản sau đây khi được công ty cho thuê tài chính cho thuê trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ra nước ngoài thông qua hợp đồng cho thuê tài chính phải đăng ký tại Cục Đăng ký hoặc Chi nhánh:

- 5.1. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất;
- 5.2. Ô tô, tàu biển, tàu sông và các phương tiện vận chuyển khác;
- 5.3. Các động sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 181 của Bộ Luật Dân sự.

6. Nguyên tắc đăng ký, cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính

- 6.1. Tài sản cho thuê tài chính được đăng ký trên cơ sở nội dung kê khai trong đơn của người yêu cầu đăng ký. Người yêu cầu đăng ký phải kê khai chính xác, đầy đủ, phù hợp với thoả thuận của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính và chịu trách nhiệm về các nội dung đã kê khai trong đơn.

Đơn yêu cầu đăng ký hợp lệ là đơn đã kê khai đầy đủ các mục theo mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư này và có nội dung phù hợp với hợp đồng cho thuê tài chính đã ký.

6.2. Cục Đăng ký và Chi nhánh phải đăng ký kịp thời, chính xác theo đúng nội dung đã kê khai trong đơn và tạo điều kiện cho việc đăng ký, tìm hiểu thông tin về tài sản cho thuê tài chính.

6.3. Các thông tin được lưu giữ trong cơ sở dữ liệu về tài sản cho thuê tài chính và trong Sổ đăng ký tài sản cho thuê tài chính được cung cấp cho mọi cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu.

7. Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký tài sản cho thuê tài chính

Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký tài sản cho thuê tài chính được tính từ ngày Cục Đăng ký hoặc Chi nhánh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tài sản cho thuê tài chính đến thời điểm chấm dứt việc cho thuê tài chính.

8. Giá trị pháp lý của việc đăng ký tài sản cho thuê tài chính

8.1. Việc đăng ký tài sản cho thuê tài chính có giá trị đối với người thứ ba trong thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký theo quy định tại khoản 7 Mục này. Giấy chứng nhận đăng ký tài sản cho thuê tài chính là căn cứ pháp lý để bên cho thuê yêu cầu người thứ ba đã nhận chuyển giao tài sản cho thuê tài chính mà không có sự đồng ý của mình phải trả lại tài sản đó cho bên cho thuê.

8.2. Trong trường hợp tài sản cho thuê tài chính không được đăng ký tại Cục Đăng ký và Chi nhánh theo quy định của Thông tư này, thì căn cứ vào Điều 139 của Bộ luật Dân sự bên thuê có quyền yêu cầu Tòa án quyết định buộc bên cho thuê phải đăng ký trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực; quá thời hạn đó mà vẫn không đăng ký, thì hợp đồng cho thuê tài chính bị vô hiệu. Bên cho thuê phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê, nếu có.

9. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin

a) 9.1. Người yêu cầu đăng ký trong các trường hợp quy định tại điểm 3.1.a, 3.1.b, 3.1.c, 3.1.d và 3.1.e khoản 3 Mục này (gọi chung là người yêu cầu đăng ký) là bên cho thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính, bao gồm:

b) Công ty cho thuê tài chính nhà nước;

c) Công ty cho thuê tài chính cổ phần;

Công ty cho thuê tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng;

d) Công ty cho thuê tài chính liên doanh;

đ) Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

e) Trong trường hợp các công ty cho thuê tài chính cho thuê hợp vốn, thì phải thống nhất cử một công ty đại diện cho các bên cho thuê đứng tên nộp đơn yêu cầu đăng ký, đồng thời, phải kê khai đầy đủ các công ty cho thuê tài chính hợp vốn trong Phụ lục kèm theo đơn.

9.2. Mọi cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu thông tin về tài sản cho thuê tài chính đều có quyền yêu cầu Cục Đăng ký hoặc Chi nhánh cung cấp thông tin.

10. Trách nhiệm của người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin

10.1. Người yêu cầu đăng ký có trách nhiệm sau đây:

a) Kê khai đầy đủ các mục trong đơn yêu cầu đăng ký theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung kê khai trong đơn phải chính xác, đúng thoả thuận của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính;

b) Nộp lệ phí đăng ký theo quy định của pháp luật;

c) Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký ghi vào đơn những nội dung không chính xác, không đúng thoả thuận của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính mà gây thiệt hại, thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

10.2. Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm sau đây:

a) Kê khai đầy đủ các mục trong đơn yêu cầu cung cấp thông tin theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này hoặc phiếu đề nghị tự tra cứu thông tin;

b) Nộp phí cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Trong trường hợp tự tra cứu, tìm hiểu thông tin về tài sản cho thuê tài chính, người yêu cầu cung cấp thông tin phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định được niêm yết tại Cục Đăng ký và Chi nhánh.

11. Lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin